



RSM DTL Auditing
Connected for Success

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN ĐẠI SỨ TRẺ
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014



MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Tổng Giám đốc	1 - 2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 31 tháng 12 năm 2014	5 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 32

238
CÔNG
CHÍNH
KIỂM
Đ
T.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI SỨ TRẺ VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 5A Phan Kế Bính, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đại Sứ Trẻ (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được kiểm toán của Công ty và các công ty con (dưới đây cùng với Công ty gọi chung là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014.

1. CÁC THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đại Sứ Trẻ được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103005276 ngày 12 tháng 09 năm 2006 do Sở kế hoạch đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 25 tháng 02 năm 2015.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 5A Phan Kế Bính, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 16 là 100.000.000.000 VND.

Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2014, Công ty có đầu tư vào 7 công ty con.

2. THÀNH VIÊN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Nguyễn Ảnh Nhượng Tống	Chủ tịch
Ông Đào Phúc Trí	Thành viên
Ông Hoàng Đức Trung	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Nguyễn Ảnh Nhượng Tống	Tổng Giám đốc

3. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Tập đoàn và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn xác nhận rằng Tập đoàn đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI SỨ TRẺ VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 5A Phan Kế Bính, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

4. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán DTL, thành viên của RSM Quốc tế, bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất cho các năm tài chính tiếp theo của Tập đoàn.

5. CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn công bố rằng, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 05 năm 2015

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN ANH NHƯỠNG TÓNG



Số: 15.424/BCKTHN-DTL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI SỨ TRÊ VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đại sứ Trẻ (dưới đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 22 tháng 05 năm 2015 từ trang 05 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đại Sứ Trẻ và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 05 năm 2015

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL

TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐẶNG XUÂN CẢNH

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

số: 0067-2013-026-1

KIỂM TOÁN VIÊN

HỒ NAM ĐÔNG

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

số: 2657-2013-026-1

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI SỨ TRẺ VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 5A Phan Kế Bính, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		144.199.161.513	152.545.588.963
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		24.045.316.184	10.966.370.825
1. Tiền	111	5.1	4.258.186.353	10.806.137.257
2. Các khoản tương đương tiền	112		19.787.129.831	160.233.568
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		223.780.000	100.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		223.780.000	100.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	5.2	58.257.213.179	76.405.807.323
1. Phải thu khách hàng	131		37.408.514.344	60.139.101.621
2. Trả trước cho người bán	132		7.835.004.786	12.174.298.280
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		13.053.294.049	4.132.007.422
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(39.600.000)	(39.600.000)
IV. Hàng tồn kho	140	5.3	24.275.835.634	30.935.145.763
1. Hàng tồn kho	141		24.753.381.089	30.935.145.763
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(477.545.455)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		37.397.016.516	34.138.265.052
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.159.387.614	1.596.180.692
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.080.483.755	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		295.908.366	152.553.616
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.4	31.861.236.781	32.389.530.744

(Phần tiếp theo trang 06)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI SỨ TRẺ VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 5A Phan Kế Bính, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		102.474.933.150	35.374.822.397
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		59.169.644.857	18.983.173.985
1. TSCĐ hữu hình	221	5.5	12.597.426.105	6.415.038.921
+ Nguyên giá	222		17.627.304.643	8.864.917.044
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.029.878.538)	(2.449.878.123)
2. TSCĐ thuê tài chính	224	5.6	281.789.781	1.174.796.064
+ Nguyên giá	225		780.340.910	2.089.773.965
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		(498.551.129)	(914.977.901)
3. TSCĐ vô hình	227	5.7	2.295.741.346	2.319.651.550
+ Nguyên giá	228		2.524.382.154	2.489.382.154
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(228.640.808)	(169.730.604)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.8	43.994.687.625	9.073.687.450
III. Bất động sản đầu tư	240	5.9	4.500.000.000	4.500.000.000
+ Nguyên giá	241		4.500.000.000	4.500.000.000
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.10	17.853.274.012	353.274.012
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		250.669.012	400.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		17.602.605.000	102.605.000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	(149.330.988)
V. Tài sản dài hạn khác	260		17.147.520.083	7.258.318.427
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	15.263.873.453	5.983.403.196
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	6.9	198.082.956	662.498.141
3. Tài sản dài hạn khác	268		1.685.563.674	612.417.090
VI. Lợi thế thương mại	269	5.12	3.804.494.198	4.280.055.973
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		246.674.094.663	187.920.411.360

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI SỨ TRẺ VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 5A Phan Kế Bính, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		153.946.215.615	113.195.805.948
I. Nợ ngắn hạn	310		136.191.407.062	82.893.381.398
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.13	64.943.491.908	16.914.698.068
2. Phải trả người bán	312	5.14	24.396.148.535	15.412.521.716
3. Người mua trả tiền trước	313		2.257.245.813	93.499.292
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.15	16.366.934.798	13.475.304.813
5. Phải trả người lao động	315		1.610.916.578	2.363.085.397
6. Chi phí phải trả	316	5.16	7.882.722.793	21.392.747.927
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.17	15.334.347.894	12.231.524.185
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		3.399.598.742	1.010.000.000
II. Nợ dài hạn	330		17.754.808.553	30.302.424.550
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		59.652.000	59.652.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.18	17.695.156.553	30.242.772.550
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		84.389.002.838	64.743.996.652
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.19	84.389.002.838	64.743.996.652
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		65.000.000.000	45.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		115.560.000	115.560.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		(2.920.000.000)	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		22.193.442.838	19.628.436.652
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
C. LỢI ÍCH CỎ ĐỒNG THIỂU SỐ	439	5.20	8.338.876.210	9.980.608.760
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		246.674.094.663	187.920.411.360

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI SỨ TRẺ VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 5A Phan Kế Bính, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

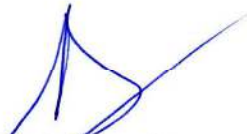
Mẫu số B 01 - DN/HN

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

CHỈ TIÊU	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

NGƯỜI LẬP BIỂU


TRẦN THỊ LÀO

KẾ TOÁN TRƯỞNG


VÕ THÁI PHONG

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 05 năm 2015

TỔNG GIÁM ĐỐC


CÔNG TY
CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN
ĐẠI SỨ TRẺ
QUẬN 1, TP. HỒ CHÍ MINH
NGUYỄN ANH NHUNG TỔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI SỨ TRẺ VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 5A Phan Kế Bính, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 02 - DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		274.602.281.533	154.648.454.454
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		11.787.096.868	174.182.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	262.815.184.665	154.474.272.454
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	152.150.695.245	82.977.920.269
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		110.664.489.421	71.496.352.185
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		896.346.276	231.852.875
7. Chi phí tài chính	22	6.3	8.123.504.717	3.237.843.027
trong đó, chi phí lãi vay	23		7.543.612.600	2.464.694.122
8. Chi phí bán hàng	24	6.4	18.341.396.937	7.231.598.010
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.5	40.543.686.983	27.799.590.115
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		44.552.247.059	33.459.173.908
11. Thu nhập khác	31	6.6	12.045.994.604	301.000.000
12. Chi phí khác	32	6.7	11.720.477.190	2.583.131.133
13. Lợi nhuận khác	40		325.517.414	(2.282.131.133)
14. Phần lợi nhuận/(lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	50		-	177.597.944
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60		44.877.764.473	31.354.640.719
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	61	6.8	9.779.058.979	7.911.486.955
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	62	6.9	464.415.185	(16.783.512)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	70		34.634.290.310	23.459.937.276
18.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số	71	5.20	2.544.685.381	2.577.117.122
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	72		32.089.604.929	20.882.820.154
19. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu của công ty mẹ	80	5.19.4	5.346	6.355

NGƯỜI LẬP BIỂU

TRẦN THỊ LÀO

KẾ TOÁN TRƯỞNG

VŨ THÁI PHONG

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 05 năm 2015

TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN ANH NHƯỢNG TÙNG



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI SỨ TRẺ VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 5A Phan Kế Bính, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		44.877.764.473	31.354.640.719
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		2.222.483.847	1.872.970.929
Các khoản dự phòng	03		477.545.455	(1.752.080.000)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa	04		-	54.052.691
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.292.486.275)	1.706.237.517
Chi phí lãi vay	06		7.543.612.600	2.464.694.122
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		53.828.920.100	35.700.515.978
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		14.922.951.377	(69.591.291.412)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		6.181.764.674	(23.242.613.051)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(3.024.598.522)	26.245.687.264
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(8.843.677.179)	(3.871.858.516)
Tiền lãi vay đã trả	13		(8.398.001.318)	(1.934.276.812)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(7.841.856.588)	(5.544.333.716)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		565.382.736	21.000.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(1.632.869.320)	(33.854.220)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		45.758.015.960	(42.251.024.485)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(42.408.954.719)	(2.417.284.895)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	300.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(123.780.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	300.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(17.500.000.000)	(3.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.292.486.275	825.530.099
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(58.740.248.444)	(3.991.754.796)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI SỨ TRẺ VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 5A Phan Kế Bính, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	7.350.000.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(2.920.000.000)	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		161.517.745.705	69.361.751.193
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(125.784.767.461)	(30.131.447.134)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(251.800.401)	(739.818.759)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(6.500.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		26.061.177.843	45.840.485.300
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		13.078.945.359	(402.293.981)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		10.966.370.825	11.368.664.806
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		24.045.316.184	10.966.370.825

NGƯỜI LẬP BIỂU

TRẦN THỊ LÀO

KẾ TOÁN TRƯỞNG

VÕ THÁI PHONG

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 05 năm 2015

TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN ANH NHƯỘNG TÙNG

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI SỨ TRẺ VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 5A Phan Kế Bính, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 09 – DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đại sứ Trẻ (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103005276 ngày 12 tháng 09 năm 2006 do Sở kế hoạch đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 25 tháng 02 năm 2015.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 5A Phan Kế Bính, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 16 là 100.000.000.000 VND.

Công ty có đầu tư vào 7 công ty con như được trình bày tại mục 1.3 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn").

Tổng số nhân viên của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 209 (31/12/2013: 163).

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn là:

- Quảng cáo trên các phương tiện truyền thông.
- Thiết kế website, quản lý sever.
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại.
- Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình.
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính. Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan. Hoạt động sản xuất chương trình truyền hình (trừ sản xuất phim và phát sóng). Quảng cáo. Hoạt động viễn thông không dây. Hoạt động hậu kỳ (trừ sản xuất phim). Bán lẻ sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm (có nội dung được phép lưu hành). Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí.
- Đào tạo nghề nghiệp.
- Đại lý.

1.3. Danh sách các công ty con được hợp nhất

Công ty con trực tiếp

STT	Tên công ty con	Địa chỉ	Quyền biểu quyết của công ty mẹ	Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ
1.	Công ty Cổ Phần Giải Trí Đại sứ Trẻ	5A Phan Kế Bính, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	99%	99%
2.	Công ty Cổ phần Công Nghệ Đại sứ Trẻ	5A Phan Kế Bính, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	99%	99%
3.	Công ty Cổ phần Phát Triển Thương Hiệu Đại sứ Trẻ	5A Phan Kế Bính, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	90%	90%
4.	Công ty CP Giải trí Rộng	5A Phan Kế Bính, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	99%	99%
5.	Công ty CP NVU	5A Phan Kế Bính, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	77,78%	77,78%
6.	Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Việt Nam Trực Tuyến	5A Phan Kế Bính, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	80%	80%

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI SỨ TRẺ VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 5A Phan Kế Bính, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

7.	Công ty Cổ phần Thương mại Thế giới Film	4 Phan Kế Bính, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	72,75%	72,75%
----	--	---	--------	--------

1.4. Danh sách công ty liên doanh, liên kết được tổng hợp quyền lợi vào báo cáo tài chính hợp nhất

STT	Tên công ty liên doanh, liên kết	Địa chỉ	Quyền biểu quyết của Công ty	Tỷ lệ lợi ích của Công ty
1.	Công ty Cổ phần Tin Học và Truyền Thông Kết Nối Trẻ	3/30 Thích Quảng Đức, Phường 3, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.	40%	40%

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn từ 01/01 đến 31/12.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

2.3. Nguyên tắc lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Tập đoàn Đại sứ Trẻ, báo cáo tài chính các công ty con và phần quyền lợi của Công ty trong lãi, lỗ của các công ty liên doanh, liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014. Các báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chỉnh sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Lợi ích cổ đông thiểu số trong lợi nhuận hoặc lỗ và trong tài sản thuần của công ty con được trình bày riêng biệt, bao gồm lợi ích cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất ban đầu cùng với những thay đổi trong vốn chủ sở hữu của cổ đông thiểu số kể từ ngày hợp nhất.

Tại thời điểm thụ đắc công ty con, lợi thế thương mại được xác định là khoản chênh lệch giữa các chi phí đầu tư và giá trị thuần của những tài sản thuần có thể xác định. Lợi thế thương mại được trình bày thành một khoản mục riêng biệt trên báo cáo tài chính hợp nhất và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào chi phí trong báo cáo tài chính hợp nhất trong thời hạn là 10 năm.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Tập đoàn tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI SỨ TRẺ VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 5A Phan Kế Bính, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn không quá 3 tháng hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro trong việc chuyển thành tiền.

4.3. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.4. Hàng tồn kho

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

- Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm tài chính

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là chi phí phát sinh của các chương trình ti vi chưa hoàn thành trong kỳ.

- Thành phẩm bao gồm các chi phí thuê ngoài để sản xuất chương trình ti vi đã hoàn thành nhưng chưa phát sóng trong kỳ.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho.

4.5. Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ được trình bày ở khoản mục chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.6. Tài sản cố định hữu hình

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI SỨ TRẺ VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 5A Phan Kế Bính, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

Năm 2014

+ Máy móc thiết bị	02 – 05 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	05 – 10 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 – 05 năm

4.7. Thuê

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hoá trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc, nếu thấp hơn, theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản nợ phải trả tương ứng cho người đi thuê được hạch toán như khoản nợ thuê tài chính phải trả. Khoản thanh toán tiền thuê được phân tách thành chi phí tài chính và khoản giảm trừ nợ thuê tài chính phải trả để đạt được tỷ lệ lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả. Chi phí tài chính được hạch toán vào Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất trừ khi chúng liên quan tới các tài sản đủ tiêu chuẩn trong trường hợp chúng được vốn hóa theo chính sách kế toán chi phí lãi vay của Tập đoàn.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ theo phương pháp đường thẳng phù hợp với thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản lợi ích đã thu hoặc phải thu liên quan tới hợp đồng thuê hoạt động cũng được phân bổ theo đường thẳng phù hợp với thời hạn của hợp đồng thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính tương tự như đối với tài sản thuộc sở hữu của Tập đoàn hoặc theo thời hạn thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

Năm 2014

Máy móc, thiết bị	03 – 05 năm
-------------------	-------------

4.8. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá. Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

4.9. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.
- Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.
- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính.

Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty phải trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch theo phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư bằng số vốn đã đầu tư.

4.10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI SỨ TRẺ VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 5A Phan Kế Bính, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

4.11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.
- Doanh thu quảng cáo qua các phương tiện thông tin được ghi nhận khi các chương trình quảng cáo xuất hiện trước công chúng. Doanh thu được ghi nhận theo từng kỳ của chương trình.
- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

4.12. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Tập đoàn trước khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

4.13. Thuế

- Thuế thu nhập doanh nghiệp

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

- Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

+ Bản quyền	5%
+ Dịch vụ quảng cáo	10%
+ Các dịch vụ khác	10%

- Các loại thuế khác: Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn.

4.14. Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tập đoàn bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, các khoản cho vay.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tập đoàn bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.15. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI SỨ TRẺ VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 5A Phan Kế Bính, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	629.565.383	351.635.905
Tiền gửi ngân hàng	3.628.620.970	10.454.501.352
Các khoản tương đương tiền	19.787.129.831	160.233.568
Tổng cộng	24.045.316.184	10.966.370.825

Các khoản tương đương tiền của Tập đoàn được thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn ngân hàng – Xem thêm mục 5.13.

5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	37.408.514.344	60.139.101.621
Trả trước cho người bán	7.835.004.786	12.174.298.280
Các khoản phải thu khác	13.053.294.049	4.132.007.422
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	58.296.813.179	76.445.407.323
Dự phòng khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	(39.600.000)	(39.600.000)
Giá trị thuần của các khoản phải thu	58.257.213.179	76.405.807.323

Phải thu khách hàng là phải thu chủ yếu từ cung cấp dịch vụ quảng cáo trên truyền hình. Trong đó, một phần khoản phải thu với Công ty TNHH Truyền Thông WPP và Công ty Liên doanh TNHH Saatchi & Saatchi Việt Nam được thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn ngân hàng – Xem thêm mục 5.13.

Trả trước cho người bán chủ yếu là khoản ứng tiền thực hiện để sản xuất chương trình truyền hình.

Phải thu khác chủ yếu là phải thu từ nhân viên của Công ty liên quan đến việc bồi thường thiệt hại cho các dự án không thực hiện được.

5.3. Hàng tồn kho

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí sản xuất dở dang chương trình ti vi chưa hoàn thành	1.595.481.878	2.637.387.880
Chương trình ti vi đã hoàn thành nhưng chưa phát sóng	3.510.381.504	12.406.159.668
Phí bản quyền phim	15.263.107.438	15.890.799.175
Chương trình truyền hình thành phẩm	2.789.966.750	-
Hàng hóa nhận được từ doanh thu quảng cáo	1.591.818.182	-
Khác	2.625.337	799.040
Cộng giá gốc hàng tồn kho	24.753.381.089	30.935.145.763
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(477.545.455)	-
Giá trị thuần có thể thực hiện	24.275.835.634	30.935.145.763

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI SỨ TRẺ VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 5A Phan Kế Bính, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

5.4. Tài sản ngắn hạn khác

Chủ yếu là khoản tạm ứng cho Ông Nguyễn Ảnh Nhượng Tổng và Bà Dương Thị Loan là các thành viên góp vốn của Tập đoàn để thực hiện các dự án kinh doanh của Tập đoàn – Xem thêm mục 7.

5.5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**VND**

Khoản mục	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	1.016.499.268	7.384.210.001	464.207.775	8.864.917.044
Mua trong năm	47.272.727	6.966.181.817	439.500.000	7.452.954.544
Tăng từ thuê tài chính	1.309.433.055	-	-	1.309.433.055
Số dư cuối năm	2.373.205.050	14.350.391.818	903.707.775	17.627.304.643
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	509.784.713	1.746.570.152	193.523.258	2.449.878.123
Khấu hao trong năm	448.090.253	1.246.874.132	186.671.742	1.881.636.127
Tăng từ thuê tài chính	698.364.288	-	-	698.364.288
Số dư cuối năm	1.656.239.254	2.993.444.284	380.195.000	5.029.878.538
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	506.714.555	5.637.639.849	270.684.517	6.415.038.921
Tại ngày cuối năm	716.965.796	11.356.947.534	523.512.775	12.597.426.105

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản dùng để thế chấp cho khoản vay là 9.311.046.615 VND - Xem thêm mục 5.13 và 5.18.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 315.233.806 VND.

5.6. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính**VND**

Khoản mục	Máy móc thiết bị
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	2.089.773.965
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(1.309.433.055)
Số dư cuối năm	780.340.910
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	914.977.901
Khấu hao trong năm	281.937.516
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(698.364.288)
Số dư cuối năm	498.551.129
Giá trị còn lại	
Tại ngày đầu năm	1.174.796.064
Tại ngày cuối năm	281.789.781

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI SỨ TRẺ VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 5A Phan Kế Bính, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điều khoản quyền được mua tài sản: Công ty hoàn thành các nghĩa vụ như quy định trong hợp đồng thuê thì Công ty sẽ được mua lại tài sản thuê bằng giá trị còn lại của tài sản thuê.

5.7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	VND
Khoản mục	TSCĐ vô hình khác
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	2.489.382.154
Mua trong năm	35.000.000
Số dư cuối năm	2.524.382.154
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	169.730.604
Khấu hao trong năm	58.910.204
Số dư cuối năm	228.640.808
Giá trị còn lại	
Tại ngày đầu năm	2.319.651.550
Tại ngày cuối năm	2.295.741.346

5.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Thương hiệu Website Mua đi	-	48.000.000
Xây dựng Website Yeah1 City	-	1.977.217.973
Xây dựng dự án "find me"	-	3.468.147.884
Dự án phát sóng trên kênh HTVC	106.750.000	106.750.000
Dự án phát sóng trên kênh BTV4	200.000.000	200.000.000
Dự án IPTV	-	3.273.571.593
Dự án phát sóng trên VTV Cab	27.272.727.264	-
Dự án tiếp sóng kênh Yeah1 Family	13.636.363.635	-
Dự án đào tạo ca sĩ	2.528.597.726	-
Tổng cộng	43.994.687.625	9.073.687.450

5.9. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất không thời hạn tại Ấp Suối Cát, Xã Thanh Tuyền, Huyện Dầu Tiếng, Tỉnh Bình Dương. Theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, giá trị quyền sử dụng đất là tài sản của Công ty. Tuy nhiên, Công ty ủy quyền cho Ông Đào Phúc Trí đứng tên chủ sở hữu theo biên bản họp Hội Đồng Quản Trị. Hiện thủ tục chuyển tên lại cho Công ty vẫn chưa hoàn tất. Bất động sản đầu tư được thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn ngân hàng – Xem thêm mục 5.13.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI SỨ TRẺ VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 5A Phan Kế Bính, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

5.10. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Cuối năm	VND Đầu năm
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	250.669.012	400.000.000
Đầu tư dài hạn khác	17.602.605.000	102.605.000
Cộng giá gốc các khoản đầu tư dài hạn	17.853.274.012	502.605.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn khác	-	(149.330.988)
Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn	17.853.274.012	353.274.012

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Tin Học và Truyền Thông Kết Nối Trẻ.

Đầu tư dài hạn khác bao gồm:

	Cuối năm	VND Đầu năm
Công ty TNHH Viễn Thông Hạ Long	102.605.000	102.605.000
Dự án Hùng Vương Square	17.500.000.000	-
Tổng cộng	17.602.605.000	102.605.000

5.11. Chi phí trả trước dài hạn

	Cuối năm	VND Đầu năm
Chi phí khai thác dịch vụ truyền thông trên kênh VTC4	7.792.207.789	3.896.103.895
Khác	7.471.665.664	2.087.299.301
Tổng cộng	15.263.873.453	5.983.403.196

5.12. Lợi thế thương mại

	Năm nay	VND Năm trước
Số dư đầu năm	4.280.055.973	-
Phát sinh trong năm	-	4.755.617.748
Phân bổ trong năm	(475.561.775)	(475.561.775)
Số dư cuối năm	3.804.494.198	4.280.055.973

5.13. Vay và nợ ngắn hạn

	Cuối năm	VND Đầu năm
Vay cá nhân	120.000.000	3.500.000.000
Vay ngân hàng	63.497.001.000	6.016.000.000
Vay DFJ Vinacapital Venture Investment Ltd – Xem thêm mục 7	-	7.062.437.316
Vay dài hạn đến hạn trả – Xem thêm mục 5.18	1.118.400.000	-
Nợ thuê tài chính đến hạn trả – Xem thêm mục 5.18	208.090.908	336.260.752
Tổng cộng	64.943.491.908	16.914.698.068

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI SỨ TRẺ VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 5A Phan Kế Bính, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Các khoản vay ngắn hạn ngân hàng có thời hạn từ 03 đến 12 tháng và chịu lãi suất từ 8% đến 14%/năm. Các khoản vay này được thế chấp bằng hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn, quyền đòi nợ phát sinh từ việc thực hiện hợp đồng đối với Công ty TNHH Truyền Thông WPP, quyền đòi nợ phát sinh từ việc thực hiện hợp đồng đối với Công ty Liên doanh TNHH Saatchi & Saatchi Việt Nam, thư cam kết bảo lãnh cá nhân của bên thứ ba và được đảm bảo bằng tài sản của Tập đoàn – Xem thêm mục 5.1, 5.2, 5.5 và 5.9.

5.14. Phải trả người bán

Phải trả cho người bán chủ yếu là các khoản phải trả liên quan đến mua bản quyền phim và phí thuê kênh.

5.15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	3.845.078.553	3.346.175.793
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.776.025.671	9.838.823.280
Thuế thu nhập cá nhân	729.440.179	268.915.345
Các loại thuế khác	16.390.395	21.390.395
Tổng cộng	16.366.934.798	13.475.304.813

5.16. Chi phí phải trả

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Trích chi phí mua phim	3.127.561.904	10.186.703.395
Trích trước chi phí hậu kỳ chương trình	-	3.654.000.000
Trích chi phí thuê kênh truyền hình	-	1.818.181.818
Trích chi phí thực hiện chương trình phát sóng	2.019.070.667	1.786.463.182
Trích chi phí lãi vay	627.836.248	1.482.224.966
Trích lương tháng 13	435.987.083	1.478.039.791
Khác	1.822.266.891	987.134.775
Tổng cộng	7.882.722.793	21.392.747.927

5.17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

Phải trả khác chủ yếu là khoản thu hộ, chi hộ cho khách hàng giao dịch trên trang Webmoney.

5.18. Vay và nợ dài hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Vay ngân hàng	2.677.797.640	-
Nợ thuê tài chính	17.358.913	242.772.550
Trái phiếu	15.000.000.000	30.000.000.000
Tổng cộng	17.695.156.553	30.242.772.550

Vay dài hạn là các khoản vay ngân hàng có thời hạn 4 năm với lãi suất 12%/năm, có số dư nợ gốc đến 31/12/2014 là 2.677.797.640 VND và nợ dài hạn đến hạn trả là 1.118.400.000 VND – Xem thêm mục 5.13.

Các khoản vay ngân hàng được bảo đảm bằng tài sản cố định hữu hình – Xem thêm mục 5.5.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI SỨ TRẺ VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 5A Phan Kế Bính, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Nợ thuê tài chính là các khoản thuê tài chính về máy móc thiết bị với thời hạn 03 năm. Số dư nợ gốc đến 31/12/2014 là 225.449.821 VND, nợ thuê tài chính đến hạn trả là 208.090.908 VND – Xem thêm mục 5.13.

Trái phiếu là 15.000 trái phiếu mà Công ty phát hành với lãi suất cố định 10%/năm. Trái phiếu này được đảm bảo bằng toàn bộ cổ phần của một số cổ đông tại Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đại sứ Trẻ – Xem thêm mục 7.

5.19. Vốn chủ sở hữu**5.19.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu**

ĐVT: ngàn đồng

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	30.659.740	115.560	-	14.287.990	45.063.290
Tăng vốn năm trước	14.340.260	-	-	(14.340.260)	-
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	20.882.820	20.882.820
Giảm khác	-	-	-	(1.202.113)	(1.202.113)
Số dư đầu năm nay	45.000.000	115.560	-	19.628.437	64.743.997
Tăng vốn năm nay	20.000.000	-	-	(20.000.000)	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	32.089.605	32.089.605
Chia quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(2.924.599)	(2.924.599)
Tạm ứng cổ tức	-	-	-	(6.500.000)	(6.500.000)
Cổ phiếu quỹ	-	-	(2.920.000)	-	(2.920.000)
Giảm khác	-	-	-	(100.000)	(100.000)
Số dư cuối năm nay	65.000.000	115.560	(2.920.000)	22.193.443	84.389.003

5.19.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Ông Nguyễn Anh Nhung Tổng	32.775.470.000	22.684.498.000
Ông Đào Phúc Trí	3.245.100.000	2.245.504.000
DFJ Vinacapital Venture Investment Ltd	25.928.440.000	17.950.503.000
Vốn góp của các cổ đông khác	3.050.990.000	2.119.495.000
Tổng cộng	65.000.000.000	45.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI SỨ TRẺ VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 5A Phan Kế Bính, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

5.19.3. Cổ phần

	Năm nay	Năm trước
▪ Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	6.500.000	4.500.000
▪ Số lượng cổ phần đã bán ra		
+ Cổ phần ưu đãi	2.268.735	1.070.136
+ Cổ phần phổ thông	4.231.265	3.429.864
▪ Số lượng cổ phiếu quỹ		
+ Cổ phần phổ thông	116.800	-
▪ Số lượng cổ phần đang lưu hành		
+ Cổ phần ưu đãi	2.151.935	1.070.136
+ Cổ phần phổ thông	4.231.265	3.429.864
▪ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần		

5.19.4. Lãi cơ bản trên cổ phần

	Năm nay	VND Năm trước
Lãi hợp nhất sau thuế của các cổ đông của công ty mẹ	32.089.604.929	20.882.820.154
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	6.002.960	3.285.989
Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)	5.346	6.355

5.20. Lợi ích cổ đông thiểu số

	Năm nay	VND Năm trước
Số dư đầu năm	9.980.608.760	479.884.738
Vốn góp của cổ đông thiểu số tăng trong năm	-	7.350.000.000
Vốn góp của cổ đông thiểu số giảm trong năm	(3.362.500.000)	-
Lợi nhuận/(Lỗ) thuần phân bổ cho lợi ích cổ đông thiểu số	2.544.685.381	2.577.117.122
Điều chỉnh phần lợi ích cổ đông thiểu số đối với khoản chuyển nhượng cổ phần từ cổ đông thiểu số sang cho công ty mẹ	(923.917.931)	-
Khác	100.000.000	(426.393.100)
Số dư cuối năm	8.338.876.210	9.980.608.760

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI SỨ TRẺ VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 5A Phan Kế Bính, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT**6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu từ quảng cáo	271.819.416.155	151.849.031.565
Doanh thu tạp chí	-	38.631.818
Doanh thu SMS	102.882.104	359.826.916
Doanh thu bản quyền phim	1.553.940.952	512.000.000
Doanh thu sản xuất chương trình	38.636.364	155.090.909
Doanh thu thẻ điện thoại	607.857.796	1.087.310.591
Doanh thu từ dịch vụ tiếp thị trực tuyến	-	103.343.563
Doanh thu từ dịch vụ lập trình phần mềm và thiết kế website	-	115.308.035
Doanh thu cung cấp dịch vụ rút tiền từ webmoney	453.275.421	339.987.822
Doanh thu từ dịch vụ quản trị hệ thống sever	6.181.820	70.363.638
Doanh thu khác	20.090.921	17.559.597
Chiết khấu thương mại	(10.701.096.995)	(174.182.000)
Giảm giá hàng bán	(1.085.999.873)	-
Doanh thu thuần	262.815.184.665	154.474.272.454

6.2. Giá vốn hàng bán

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn sản xuất chương trình	38.896.709.303	19.756.096.934
Giá vốn bản quyền phim	39.968.616.285	31.182.061.474
Giá vốn phát hành ấn phẩm Yeah1 teen	-	220.791.364
Giá công hợp tác sản xuất chương trình	-	2.480.000.000
Hợp tác sản xuất chương trình trên BTV4	-	3.520.090.910
Chi phí thuê kênh	16.779.545.458	15.105.000.011
Chi phí dựng phim	21.612.689.273	3.749.462.894
Phí mua chương trình truyền hình	18.511.721.835	5.275.179.091
Chi phí topup điện thoại cho khách hàng	-	160.884.237
Thẻ nạp các loại	2.147.546.484	880.996.193
Chi phí thiết kế website	233.340.000	-
Phí cung cấp dữ liệu đo rating	3.796.000.000	-
Phí truyền dẫn	7.379.999.999	-
Giá vốn tổ chức sự kiện	1.202.984.179	-
Khác	1.143.996.974	647.357.161
Dự phòng hàng tồn kho	477.545.455	-
Tổng cộng	152.150.695.245	82.977.920.269

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI SỨ TRẺ VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 5A Phan Kế Bính, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

6.3. Chi phí tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	7.183.384.093	2.324.006.636
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	28.201.404	-
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	54.052.691
Phí thuê tài chính	360.228.507	140.687.486
Phí phát hành trái phiếu	-	40.000.000
Chiết khấu thanh toán	541.357.527	675.532.273
Khác	10.333.186	3.563.941
Tổng cộng	8.123.504.717	3.237.843.027

6.4. Chi phí bán hàng

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	3.730.134.469	2.879.244.630
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	29.968.095	8.069.038
Chi phí khấu hao tài sản cố định	450.417.604	403.066.568
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.130.454.769	1.848.352.672
Chi phí bằng tiền khác	422.000	2.092.865.102
Tổng cộng	18.341.396.937	7.231.598.010

6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	12.073.757.846	11.452.942.045
Chi phí vật liệu quản lý	550.000	550.000
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.568.632.795	1.925.423.911
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.126.787.720	801.393.852
Thuế, phí và lệ phí	18.500.000	45.712.220
Chi phí dự phòng	-	7.920.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.721.920.504	11.014.315.131
Chi phí bằng tiền khác	1.033.538.118	2.551.332.956
Tổng cộng	40.543.686.983	27.799.590.115

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI SỨ TRẺ VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 5A Phan Kế Bính, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

6.6. Thu nhập khác

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ bồi thường thiệt hại của nhân viên	9.466.763.465	-
Thu nhập từ cổ tức	532.417.930	-
Thu nhập từ hoạt động sản xuất phim	2.033.635.936	-
Thu nhập từ thanh lý tài sản	-	300.000.000
Thu nhập khác	13.177.273	1.000.000
Tổng cộng	12.045.994.604	301.000.000

6.7. Chi phí khác

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí liên quan bồi thường thiệt hại của nhân viên	8.766.937.450	-
Tiền phạt	1.404.452.537	1.034.126.032
Chi phí từ hoạt động đầu tư sản xuất phim	1.517.339.283	-
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	1.516.666.665
Chi phí khác	31.747.920	32.338.436
Tổng cộng	11.720.477.190	2.583.131.133

(Phần tiếp theo trang 27)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI SỨ TRẺ VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 5A Phan Kế Bính, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

6.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	44.877.764.473	31.354.640.719
Cộng các khoản điều chỉnh tăng	2.740.830.311	4.198.545.989
Trừ các khoản điều chỉnh giảm	(2.081.818.181)	(1.353.763.021)
Lãi, lỗ nội bộ chưa thực hiện năm nay	29.409.724	768.326.019
Lãi, lỗ nội bộ chưa thực hiện năm trước	(768.326.019)	-
Lãi từ chuyển nhượng cổ phần từ cổ đông thiểu số sang cho công ty mẹ	(532.417.930)	-
Lợi thế thương mại	475.561.775	475.561.775
Lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	-	(177.597.944)
Chuyển lỗ	-	(3.314.361.530)
Thu nhập tính thuế	44.741.004.153	31.951.352.007
Trong đó: Thu nhập chịu thuế suất 20%	3.328.471.733	1.527.020.980
Thu nhập chịu thuế suất 22%	41.412.532.421	-
Thu nhập chịu thuế suất 25%	-	30.424.331.027
Chi phí thuế TNDN từ thu nhập chịu thuế suất 20%	665.694.346	305.404.196
Chi phí thuế TNDN từ thu nhập chịu thuế suất 22%	9.110.757.133	-
Chi phí thuế TNDN từ thu nhập chịu thuế suất 25%	-	7.606.082.759
Chi phí thuế TNDN	9.776.451.479	7.911.486.955
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước	2.607.500	-
Chi phí thuế TNDN phải nộp trong năm	9.779.058.979	7.911.486.955

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí được trừ khi tính thuế.

6.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài sản thuế TNDN hoãn lại của Tập đoàn và những biến động trong năm và năm trước được trình bày như sau:

	ĐVT: triệu đồng					
	Lãi, lỗ nội bộ chưa thực hiện	Doanh thu chưa thực hiện	Chi phí trích trước	Chuyển lỗ	Dự phòng	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	-	-	(336)	(138)	(172)	(646)
Hạch toán là chi phí (thu nhập) trong kết quả kinh doanh năm trước	(169)	(414)	292	138	137	(16)
Số dư đầu năm nay	(169)	(414)	(44)	-	(35)	(662)
Hạch toán là chi phí (thu nhập) trong kết quả kinh doanh năm nay	162	414	(10)	-	(102)	464
Số dư cuối năm nay	(7)	-	(54)	-	(137)	(198)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI SỨ TRẺ VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 5A Phan Kế Bính, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

6.10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	17.180.318.671	21.311.446.982
Chi phí vật liệu và đồ dùng văn phòng	1.599.150.890	2.219.947.507
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.222.483.847	1.872.673.202
Chi phí dịch vụ mua ngoài	182.325.055.501	110.409.507.185
Chi phí bằng tiền khác	1.049.460.118	4.734.028.734
Tổng cộng	204.376.469.027	140.547.603.610

7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

- Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các đơn vị và cá nhân sau đây được xem là các bên có liên quan với Tập đoàn:

<u>Tên công ty</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. DFJ Vinacapital Venture Investment Ltd	Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể
2. Nguyễn Ảnh Nhượng Tổng	Tổng giám đốc Tập đoàn
3. Đào Phúc Trí	Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Giải trí Đại sứ Trẻ
4. Công ty Cổ phần Tin Học và Truyền Thông Kết Nối Trẻ	Công ty liên kết

- Giao dịch nội bộ giữa các công ty trong Tập đoàn đã được loại trừ trong quá trình hợp nhất.
- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu		
Nguyễn Ảnh Nhượng Tổng	537.677.350	-
Đào Phúc Trí	16.225.500	-
Cộng	553.902.850	-

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Tạm ứng – Xem thêm mục 5.4		
Nguyễn Ảnh Nhượng Tổng	5.541.104.219	2.837.804.828
Đào Phúc Trí	2.955.010.760	18.416.385.817
Cộng	8.496.114.979	21.254.190.645

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả		
Công ty Cổ phần Tin Học và Truyền Thông Kết Nối Trẻ	(400.555.200)	(400.555.200)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI SỨ TRẺ VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 5A Phan Kế Bính, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Vay – xem thêm mục 5.13 và 5.18		
DFJ Vinacapital Venture Investment Ltd	(15.000.000.000)	(37.062.437.316)

- Bản chất các giao dịch nội bộ quan trọng và giá trị giao dịch trong năm như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Nhận nợ vay trong năm		
DFJ Vinacapital Venture Investment Ltd	-	37.008.384.625

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Trả nợ vay trong năm		
DFJ Vinacapital Venture Investment Ltd	22.062.437.316	3.988.100.000

- Thu nhập của Ban Giám đốc:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lương Tổng Giám đốc Công ty	743.000.000	579.798.550
Lương các nhân viên quản lý chủ chốt khác	2.927.277.598	1.351.331.409
Tổng cộng	3.670.277.598	1.931.129.959

8. CÁC NGHĨA VỤ THEO HỢP ĐỒNG THUÊ TÀI CHÍNH

Tập đoàn đang đang thuê máy móc thiết bị với thời gian sử dụng ước tính 05 năm theo hợp đồng thuê tài chính với thời hạn 03 năm. Các khoản nợ thuê tài chính tối thiểu phải trả trong tương lai được chi tiết như sau:

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	208.090.908	353.583.482
Trên 1 năm đến 5 năm	17.358.913	225.431.819
Trên 5 năm	-	-
Tổng cộng	225.449.821	579.015.301

Nghĩa vụ nợ được phân loại theo:

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Ngắn hạn	208.090.908	353.583.482
Dài hạn	17.358.913	225.431.819
Tổng cộng	225.449.821	579.015.301

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI SỨ TRẺ VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 5A Phan Kế Bính, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

9. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

▪ Quản lý rủi ro vốn

Tập đoàn quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tập đoàn có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tập đoàn gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

▪ Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Tập đoàn áp dụng (bao gồm tiêu chuẩn ghi nhận, cơ sở đo lường, cơ sở ghi nhận doanh thu và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.14.

▪ Các loại công cụ tài chính

VND

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014	01/01/2014
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	24.045.316.184	10.966.370.825
Phải thu khách hàng	37.368.914.344	60.316.385.018
Tổng cộng	61.414.230.528	71.282.755.843
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	82.638.648.461	47.157.470.618
Phải trả người bán	24.396.148.535	15.412.521.716
Chi phí phải trả	7.446.735.710	19.914.708.136
Tổng cộng	114.481.532.706	82.484.700.470

Tập đoàn chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

▪ Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Tập đoàn chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

▪ Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Tập đoàn chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tập đoàn đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tập đoàn sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Tập đoàn chưa thực hiện biện pháp đảm bảo rủi ro do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ theo nguyên tệ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI SỨ TRẺ VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 5A Phan Kế Bính, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2014	01/01/2014	31/12/2014	01/01/2014
Đô la Mỹ (USD)	-	335.731	-	-

Quản lý rủi ro lãi suất

Tập đoàn chịu rủi ro trọng yếu về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Tập đoàn chịu rủi ro lãi suất khi vay vốn với lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Tập đoàn quản lý bằng cách duy trì một tỷ lệ hợp lý giữa các khoản vay với lãi suất cố định và các khoản vay với lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá

Tập đoàn chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tập đoàn không có ý định bán các khoản đầu tư này.

▪ **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tập đoàn. Tập đoàn có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tập đoàn có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tập đoàn không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bổ ở các khu vực địa lý khác nhau.

▪ **Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tập đoàn quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Tập đoàn tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong kỳ đó. Chính sách của Tập đoàn là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Tập đoàn duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Tập đoàn phải trả.

	VND		
31/12/2014	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
Vay	64.943.491.908	17.695.156.553	82.638.648.461
Phải trả người bán	24.336.496.535	59.652.000	24.396.148.535
Chi phí phải trả	7.446.735.710	-	7.446.735.710
01/01/2014	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
Vay	16.914.698.068	30.242.772.550	47.157.470.618
Phải trả người bán	15.352.869.716	59.652.000	15.412.521.716
Chi phí phải trả	19.914.708.136	-	19.914.708.136

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tập đoàn có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tập đoàn vì tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI SỨ TRẺ VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 5A Phan Kế Bính, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

			VND
31/12/2014	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
Phải thu khách hàng	37.368.914.344	-	37.368.914.344
01/01/2014	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
Phải thu khách hàng	60.316.385.018	-	60.316.385.018

10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304592171 ngày 02 tháng 02 năm 2015 của Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Đại sứ Trẻ do Sở kế hoạch đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, Công Ty Cổ Phần Công Nghệ Đại sứ Trẻ sáp nhập vào Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Đại sứ Trẻ. Công ty nhận sáp nhập sẽ kế thừa toàn bộ quyền và nghĩa vụ của Công ty bị sáp nhập.

11. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 22 tháng 05 năm 2015.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 05 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

TRẦN THỊ LÀO

VÕ THÁI PHONG

NGUYỄN ANH NHƯỢNG TÓNG

